

TÍNH HAI MẶT CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) Ở VIỆT NAM

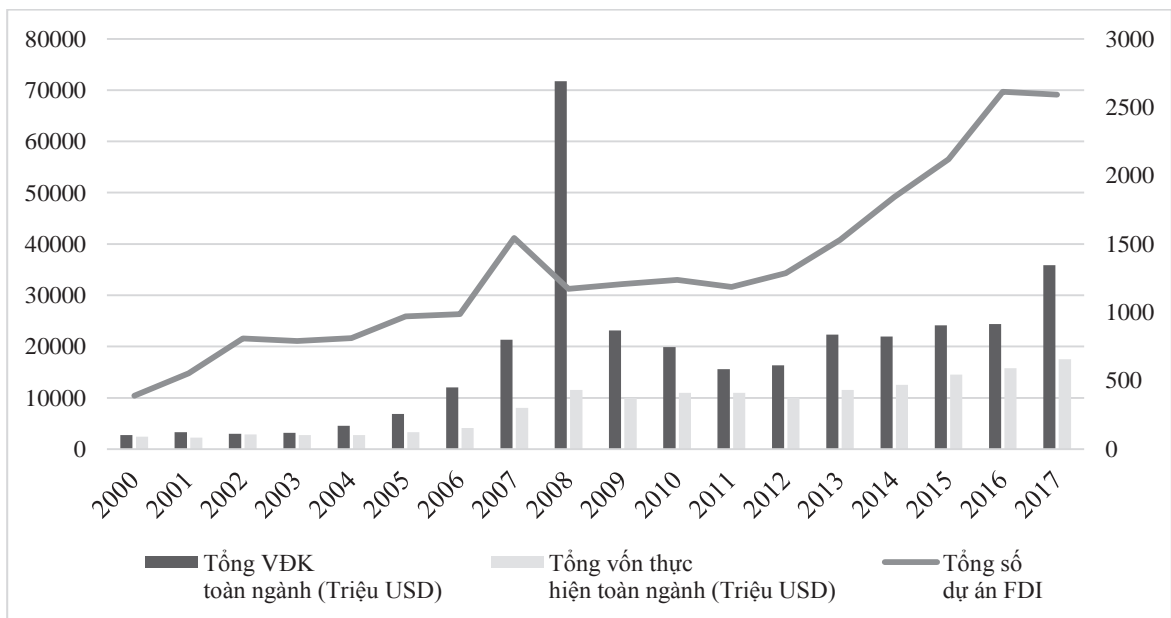
ThS. Nguyễn Thị Mai Hương*

Tóm tắt:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã được nhìn nhận như là một trong những "trụ cột" tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Vai trò của FDI được thể hiện rất rõ qua việc đóng góp vào các yếu tố quan trọng của tăng trưởng như bổ sung nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm,... Ngoài ra, FDI cũng đóng góp tích cực vào tạo nguồn thu ngân sách và thúc đẩy Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Nhờ có sự đóng góp quan trọng của FDI mà Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm qua và được biết đến là quốc gia phát triển năng động, đổi mới, thu hút được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, FDI không chỉ có tác động tích cực, mà nó còn có tác động ngược chiều (hạn chế) đối với nền kinh tế nước ta, do đó nếu thiếu sự quản lý của nhà nước, hoặc nhà nước quản lý kém hiệu quả thì những hạn chế sẽ bùng phát. Bài viết làm rõ tác động hai mặt của FDI đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam, từ đó tìm ra giải pháp phù hợp nhằm khắc phục những hạn chế mà FDI mang lại.

1. Diễn biến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt Nam

Hình 1: Số dự án và số vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn (2000 - 2017)



* Trường Đại học Lâm nghiệp

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, 2018

THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

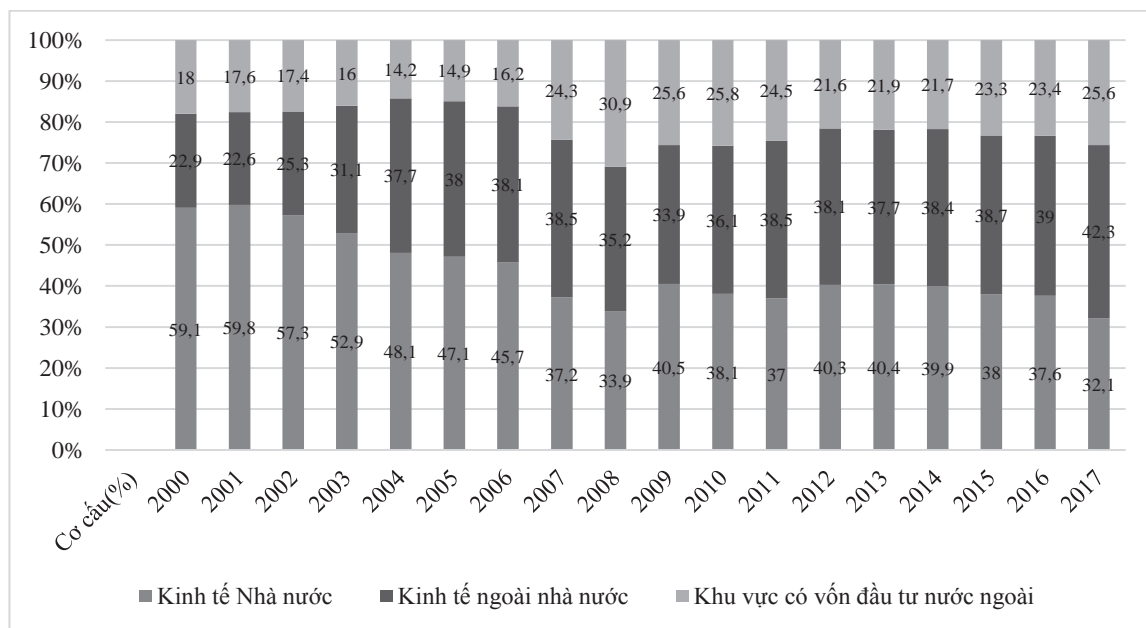
Khu vực FDI tăng trưởng ổn định ở hầu hết các lĩnh vực. Tổng số dự án FDI lũy kế đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc thời điểm 20/12/2017 là 24.748 dự án, gấp 9 lần năm 2000, bình quân giai đoạn 2000 - 2017 mỗi năm tăng xấp xỉ 11,8%. Trong đó dự án 100% vốn nước ngoài là 20.544 (chiếm 83% toàn bộ dự án FDI) gấp 8,8 lần năm 2000, bình quân giai đoạn 2000 - 2017 mỗi năm tăng 6,7%. Số dự án FDI đang hoạt động thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng hiện chiếm tỷ lệ cao nhất với 66,4% (riêng ngành công nghiệp chiếm 58,45%). Tiếp đến là khu vực dịch vụ với 31,5%. Trong khi số dự án FDI hoạt động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ có 518 dự án, chiếm 2,1% tổng số dự án.

2. Đóng góp chính của FDI đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam

- Bổ sung nguồn vốn đầu tư xã hội

Xem xét vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế cho thấy có sự dịch chuyển vốn từ khu vực kinh tế nhà nước sang các khu vực khác. Cụ thể, tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực kinh tế nhà nước đã giảm dần từ 59,1% năm 2000 xuống còn 32,1% năm 2017. Tỷ trọng đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tương đối ổn định và có xu hướng tăng lên. Năm 2000 khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm 18% tổng vốn đầu tư toàn xã hội thì năm 2017 là 25,6%. Do đó, khu vực này là khu vực có tiềm lực về vốn, kéo theo đó là năng lực về công nghệ.

Hình 2: Cơ cấu vốn đầu tư xã hội của Việt Nam giai đoạn (2000 - 2017)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

- Nâng cao năng lực xuất khẩu

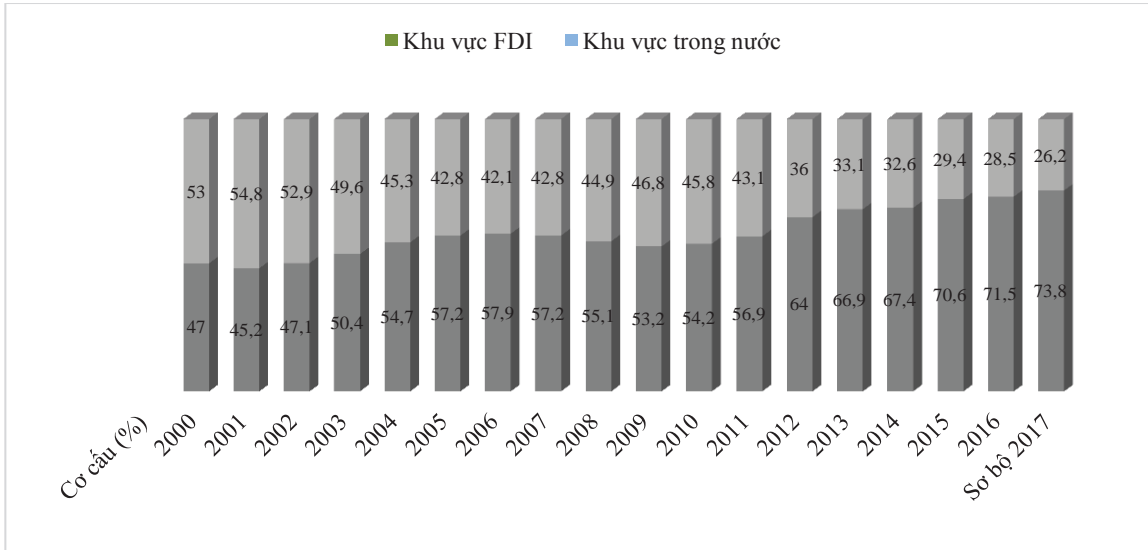
Xuất khẩu của khu vực FDI luôn chiếm tỷ trọng trên 50% tổng giá trị xuất khẩu cả nước, đó là một bằng chứng cho thấy năng

lực cạnh tranh cao hơn của khu vực này so với khu vực trong nước. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam được biết đến nhờ khu vực FDI như linh kiện điện tử, điện dân dụng,

điện thoại di động, máy tính văn phòng,... Kết quả xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp FDI khá ấn tượng trong giai đoạn (2000 -

2017), đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO và phần lớn sản phẩm tạo ra được dành cho xuất khẩu.

Hình 3: Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn (2000 - 2017)



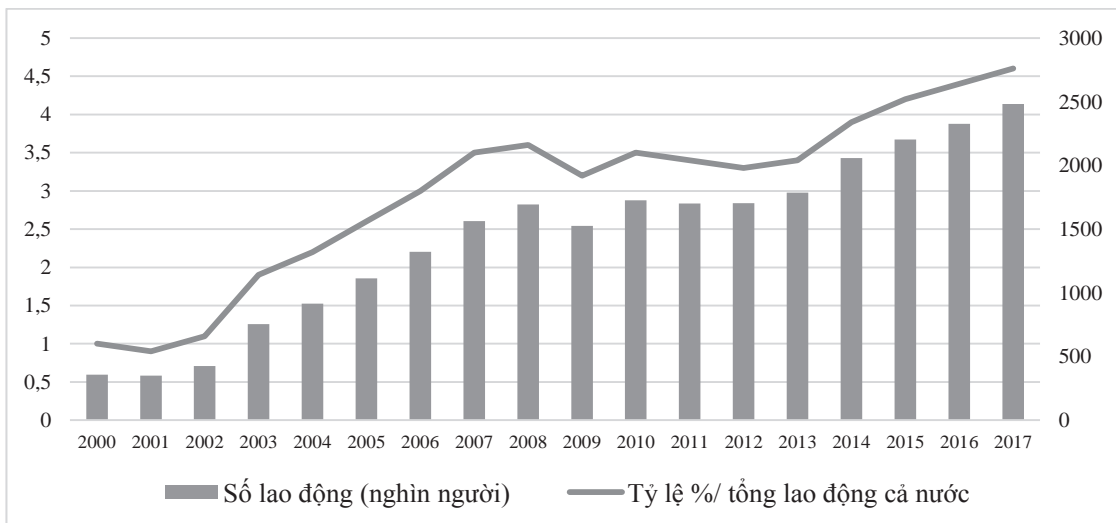
Nguồn: Tổng cục Thống kê

- Tạo việc làm cho người lao động

Trong thời gian qua, FDI đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động Việt Nam. Cụ thể số lao động làm việc trong các doanh nghiệp

FDI tăng lên qua các năm. Tính đến năm 2017, khu vực FDI đã tạo ra hơn 2 triệu việc làm trực tiếp, chưa kể số lao động gián tiếp trong khu vực dịch vụ và các ngành phụ trợ.

Hình 4: Số lượng và tỷ lệ lao động khu vực FDI so với tổng số lao động cả nước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

- Góp phần đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế

FDI đã góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, từng bước nâng cao trình độ công nghệ sản xuất trong nước, một số ngành đã tiếp thu được công nghệ tiên tiến của thế giới như: bưu chính - viễn thông, dầu khí, xây dựng, cầu đường, khách sạn, văn phòng cho thuê... Nhiều doanh nghiệp trong nước đã đổi mới hoặc nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao của nền kinh tế. Do đó, Việt Nam đã sản xuất được nhiều sản phẩm mới mà trước đây chưa có; hạn chế nhập khẩu nhiều loại hàng hóa thuộc các lĩnh vực như dầu khí, vật liệu xây dựng, điện tử gia dụng, phương tiện giao thông...

Các doanh nghiệp FDI đã tạo ra được nhiều sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, kiểu dáng hợp thời trang, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và gia tăng nhanh chóng kim ngạch xuất khẩu như máy tính, điện thoại thông minh, điện tử gia dụng, cơ khí chế tạo.

Trong Bảng xếp hạng về năng lực cạnh tranh công nghiệp của UNIDO năm 2017, Việt Nam đứng thứ 50 trên tổng số 141 nước được xếp hạng, tăng 44 bậc so năm 1990. Tuy vậy, trong ASEAN, Việt Nam chỉ đứng trên Philippines (hạng 53) và Campuchia (hạng 90).

- Nâng cao trình độ quản lý và điều hành doanh nghiệp

Khu vực FDI đã góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ cho người lao động Việt Nam, kể cả đội ngũ lao động quản lý. Tác động này được phát huy thông qua nhiều kênh khác nhau: đào tạo, bồi dưỡng, truyền bá kinh nghiệm.

Trong các doanh nghiệp FDI, các giám đốc thường là những nhà quản lý của các công ty nổi tiếng, làm ăn phát đạt từ nhiều nước khác nhau trên thế giới, do đó họ có rất nhiều kinh nghiệm về việc quản lý, điều hành doanh nghiệp. Nhờ có vậy, những cán bộ lao động của Việt Nam hoạt động trong các doanh nghiệp FDI, chủ yếu là doanh nghiệp liên doanh, có điều kiện học hỏi phương pháp quản lý, phong cách điều hành của các nhà quản lý nước ngoài để từng bước tích lũy kinh nghiệm, kiến thức, nâng cao trình độ cho mình. Nhiều người trong số họ đã tích lũy kinh nghiệm, phát huy được năng lực vượt lên đảm đương công việc khá tốt, dành được sự tin tưởng và kính trọng của các đối tác nước ngoài như những doanh nghiệp Vinadaesung, Toyota Việt Nam,... khiến các đối tác nước ngoài đã tin tưởng giao phó mọi công việc điều hành sản xuất, kinh doanh cho các nhân viên Việt Nam.

3. Một số hạn chế của FDI ở Việt Nam hiện nay

- Cơ cấu đầu tư bất hợp lý

Mục đích cơ bản trong kêu gọi nguồn vốn FDI của Việt Nam là vốn, công nghệ... nhằm tạo cho nền kinh tế phát triển được cân đối và hiện đại. Còn đối với nhà đầu tư nước ngoài là lợi nhuận, nên việc họ đưa vốn vào những nơi mà ta cần là rất ít, vì đó là những lĩnh vực ít mang lại khả năng sinh lợi nhưng lại chứa đựng nhiều rủi ro. Kết quả là dòng vốn FDI đã gây mất cân đối cho nền kinh tế. Sự mất cân đối này được thể hiện trên 3 góc độ: Sự mất cân đối trong FDI vào ba ngành kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; sự mất cân đối trong việc đầu tư vào nội bộ mỗi ngành; sự mất hợp lý trong cơ cấu đầu tư vùng.

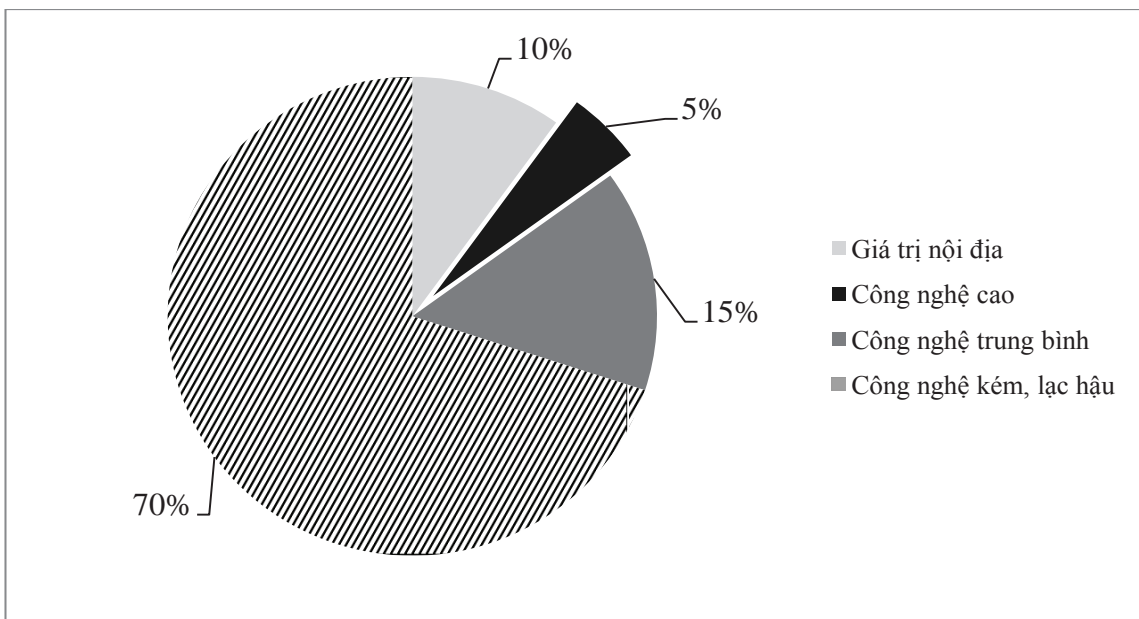
- Việc góp vốn bằng công nghệ của các nhà đầu tư nước ngoài đã gây nên tình trạng thừa công nghệ lạc hậu, nhưng lại thiếu công nghệ hiện đại

Đối với nước chủ nhà, một trong những mục tiêu quan trọng nhất của thu hút FDI là tiếp thu công nghệ hiện đại, nhằm sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế. Nhưng trong thực tế, một số nhà đầu tư đã lợi dụng chính sách này của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam để xuất khẩu công nghệ lạc hậu, hiện không thể sử dụng được ở nước họ bằng cách bán

dây chuyền sản xuất hoặc góp vốn bằng công nghệ để thu lợi nhuận.

Trên thực tế cho thấy, mức độ hiện đại và cập nhật các công nghệ được chuyển giao vào Việt Nam rất thấp. Nhiều máy móc, công nghệ được nhập vào Việt Nam không phải là công nghệ mới, mà đều đã cũ, thậm chí hết khấu hao và lao động Việt Nam chỉ phụ trách công đoạn đơn giản. Hiện tại, chỉ có 5% FDI chuyển giao công nghệ cao, 15% là loại công nghệ kém, lạc hậu, yêu cầu lao động phổ thông. Điều này cũng đồng nghĩa, giá trị gia tăng thu được từ chuyển giao công nghệ của FDI chỉ tạo ra được khoảng 20%. Giá trị nội địa cũng rất khiêm tốn ở mức 10%.

Hình 5: Tỷ lệ chuyển giao công nghệ của dự án FDI



Nguồn: <http://baodatviet.vn/kinh-te/tai-chinh/thu-hut-fdi-viet-nam-nen-hoc-bai-trung-quoc-3052065>

Mặt khác, đối tác đầu tư chính của Việt Nam là các nước Châu Á. Do vậy, việc chuyển giao công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến và hiện đại ở Việt Nam hầu như rất ít. Một số nước như Đài Loan, Hàn Quốc chủ yếu đầu tư vào công nghiệp nhẹ hoặc lĩnh

vực khách sạn, văn phòng cho thuê nên việc chuyển giao công nghệ sản xuất vào Việt Nam còn hạn chế. Ngay cả Nhật Bản, một nước có trình độ khoa học công nghệ cao nhưng các dự án FDI của các nước này chỉ chuyển giao những công nghệ còn thấp

➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

hoặc thấp hơn so với các nước Đông Nam Á (Singapore, Malaysia, Thái Lan). Các đối tác Hoa Kỳ, EU có trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại và công nghệ nguồn nhưng tỷ trọng các dự án đầu tư vào Việt Nam rất ít, do vậy đã hạn chế việc chuyển giao công nghệ cho đối tác Việt Nam.

Việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam được thực hiện thông qua các hợp đồng và được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ chuẩn y. Tuy vậy, đây là một hoạt động cực kỳ khó khăn đối với các nước tiếp nhận đầu tư nói chung, kể cả Việt Nam, bởi khó có thể đánh giá chính xác giá trị thực của từng loại công nghệ trong những ngành khác nhau, đặc biệt trong những ngành công nghệ cao. Do vậy, thường phải thông qua thương lượng theo hình thức mặc cả đến khi hai bên có thể chấp nhận được thì mới ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Tác động xấu đến môi trường

Cùng với những lợi ích do FDI mang lại, Việt Nam đang đối mặt với những thách thức, trong đó đặc biệt nghiêm trọng là nạn ô nhiễm môi trường. Các nước phát triển thường đánh thuế cao đối với các ngành gây ô nhiễm, trong khi đó các nước đang phát triển lại có mức thuế thấp hơn nhiều, thậm chí chưa đánh thuế do khát vốn. Các nước này trở thành những nước “nhập khẩu” ô nhiễm và Việt Nam cũng là một trong số đó.

Một trong những nguyên nhân nữa gây ô nhiễm môi trường tại Việt Nam là do chuyển giao công nghệ lạc hậu, trong đó nhiều máy móc, thiết bị quá cũ hoặc đã hết khấu hao. Việc chuyển giao những công nghệ lạc hậu đã biến Việt Nam trở thành một “bãi

thải công nghệ, máy móc thiết bị cũ và lạc hậu” do các nhà đầu tư nước ngoài mang vào. Những thiết bị lạc hậu khi được sử dụng đã không tạo được năng suất lao động cao, lại còn gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường nước, không khí, tiếng ồn và đất. Có đến 86% các doanh nghiệp được hỏi đều cho rằng bảo vệ môi trường là nghĩa vụ bắt buộc và phải tuân thủ. Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều doanh nghiệp lại không tự giác tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, chỉ vận hành hệ thống xử lý chất thải khi cơ quan chức năng quản lý môi trường phát hiện và xử lý. Số doanh nghiệp có hệ thống sơ bộ xử lý nước thải trong nhà máy chiếm 70%, số còn lại không có hệ thống xử lý và hệ thống đầu nối chung của khu công nghiệp. Có 80% khu công nghiệp vi phạm các quy định về môi trường, 70% Doanh nghiệp FDI xả thải vượt quy chuẩn, 23% trong số đó xả thải vượt quy chuẩn cho phép 5 -12 lần.

Ngoài ra, chính sách về kiểm soát môi trường trong giai đoạn đầu của hoạt động FDI ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, thiếu cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp đã tạo cơ hội cho các nhà đầu tư giảm được rất nhiều chi phí xây dựng các nhà máy sản xuất tại Việt Nam không cần xây dựng bộ phận xử lý chất thải hoặc có chỉ là biện pháp đối phó. Thời gian qua, hàng loạt các doanh nghiệp FDI hủy hoại môi trường bị phát hiện với quy mô lớn và thiệt hại về kinh tế xã hội khó lường như Công ty Vedan xả nước thải chưa qua xử lý ra sông Thị Vải (2008); Liên doanh Huyndai – Vinashin sử dụng hạt nix- công nghệ lạc hậu đã bị cấm ở nhiều nước – trong công nghệ đóng tàu trong nhiều năm (2007). Gần đây nhất là vụ Formosa xả chất độc gây cá chết hàng loạt ở khu vực ven biển miền

Trung (2016). Những minh chứng này phần nào minh họa cho một thực tế là Việt Nam đang tồn tại những dự án FDI hủy hoại môi trường một cách có chủ ý. Bên cạnh đó, nó phản ánh sự yếu kém trong quản lý cũng như cơ sở pháp lý lỏng lẻo, chưa khuyến

khích được các doanh nghiệp tham gia sản xuất sạch. Mặc dù các doanh nghiệp vi phạm đều bị xử phạt theo Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam, tuy nhiên mức tiền phạt chưa tương xứng với mức độ thiệt hại mà các doanh nghiệp này gây ra.

Bảng 1: Danh sách một số doanh nghiệp điển hình bị phát hiện hoặc đang bị nghi ngờ thực hiện hành vi chuyển giá

TT	Doanh nghiệp	Hành vi chuyển giá
1	FDI Keangnam Vina - chủ đầu tư tòa nhà Keangnam	Doanh nghiệp này bị vạch trần hành vi dàn xếp giá nội bộ, nâng khống đầu vào để liên tục khai lỗ trong 5 năm và bị buộc phải nộp truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp cho mảng kinh doanh bán căn hộ với tổng thuế là 95,2 tỷ đồng.
2	Công ty Hualon Corporation (Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 2, Đồng Nai)	Doanh nghiệp này gần 20 năm liên tục báo lỗ, nâng khống giá dây chuyền máy lên đến 40 lần (từ 400.000 USD thành 16 triệu USD).
3	Metro Cash & Carry	Metro Cash & Carry bị "vạch" mặt chuyển giá sau 12 năm hoạt động tại Việt Nam, truy thu hơn 507 tỷ đồng
4	Công ty Giày Changshin Hàn Quốc	Công ty Giày Changshin Hàn Quốc mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng không thông qua việc tăng vốn mà sử dụng khoản vốn vay ngắn hạn, trung hạn của công ty mẹ ở nước ngoài và đã xử lý giảm lỗ trên 120 tỉ đồng.
5	Công ty Dệt ChoongNam (Đài Loan)	Thanh tra Công ty Dệt ChoongNam (Đài Loan), Cục Thuế đã xử lý giảm lỗ 18.000 USD.
6	Coca Cola	Chỉ riêng năm 2010, hãng này đã báo cáo lỗ 188 tỷ đồng ở thị trường Việt Nam. Lũy kế, con số thua lỗ mà Coca Cola Việt Nam báo cáo lên tới 180 triệu đô trong thập kỷ vừa qua.
7	Nike	Tờ Independent tiết lộ trong 5 năm qua, lượng tiêu thụ của Nike gắn với thương hiệu Manchester United đã đạt tới con số 100 triệu bảng. Nhưng số tiền mà Nike nộp vào cơ quan thuế chỉ là con số nhỏ nhoi 1 triệu bảng

Nguồn: <http://www.trienluatutc.com/dich-vu/hien-tuong-chuyen-gia-thuc-trang-va-giai-phap-318.html>

➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

- *Sự xung đột lợi ích giữa nhà đầu tư và người lao động*

Bên cạnh những mặt tích cực do khu vực FDI tạo ra như: giải quyết việc làm, nâng cao trình độ lao động, cải thiện môi trường làm việc,... thì mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động hiện đang trở thành một vấn đề xã hội được nhiều người quan tâm. Trong một số trường hợp, nhà đầu tư nước ngoài vì mục tiêu thu lợi nhuận cao đã không thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của luật lao động. Những việc làm này đã gây phản ứng trong dư luận xã hội, gây nên những cuộc đình công không cần thiết và làm mất trật tự an toàn xã hội. Trong năm 2017, cả nước xảy ra 314 cuộc đình công và ngừng việc tập thể trên địa bàn 36 tỉnh, thành phố trong đó xảy ra chủ yếu ở các doanh nghiệp có vốn FDI (chiếm 82,1%). Theo báo cáo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, số cuộc có nguyên nhân liên quan đến tiền lương, thu nhập và điều chỉnh lương tối thiểu chiếm tỉ lệ khá cao (chiếm 54,1%). Một số ngành có tiền lương, thu nhập thấp xảy ra nhiều đình công như: Dệt may (162 cuộc, chiếm gần 51,8%); giày da có 71 cuộc (chiếm gần 22,5%).

- *Hiện tượng chuyển giá ở các doanh nghiệp FDI khá phổ biến*

Hiện tượng chuyển giá hầu như xảy ra đối với các công ty đa quốc gia. Tại Việt Nam, hiện tượng chuyển giá được thể hiện thông qua việc: khai tăng giá trị tài sản vốn góp; mua nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào với giá cao; trốn thuế.

Một số doanh nghiệp FDI thuộc chi nhánh các công ty đa quốc gia đã lợi dụng sơ

hở trong công tác quản lý nhà nước thực hiện việc chuyển giá bằng cách “lỗ công ty con, lãi công ty mẹ” thông qua việc nâng giá đầu vào, hạ giá đầu ra để ăn chênh lệch ngay từ bên ngoài, gian lận thương mại, trốn thuế, lợi dụng độc quyền để đưa giá sản phẩm lên cao hơn giá hàng cùng loại nhập khẩu.

Hiện tượng các doanh nghiệp FDI thua lỗ, chuyển giá, trốn thuế là rất phổ biến ở Việt Nam, trong đó nhiều doanh nghiệp kê khai lỗ liên tục 3 năm. Ngoài ra chính sách thuế khó tiên đoán, hay thay đổi và nhiều mức cũng là nguyên nhân của hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI.

4. Một số giải pháp

Để thu hút được các dự án có chất lượng, tranh thủ cơ hội thuận lợi nhằm tạo một làn sóng đầu tư mới, đòi hỏi phải có những giải pháp thích hợp nhằm khắc phục khó khăn, trở ngại, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư theo hướng nhất quán, công khai, minh bạch, có tính dự báo, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và có tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích thu hút các dự án công nghệ cao; ban hành các tiêu chuẩn để hạn chế, ngăn chặn các dự án kém chất lượng.

- Cơ cấu lại nguồn vốn FDI phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế đất nước cũng như chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, các vùng quan trọng. Vì vậy, cần cơ cấu lại các dự án FDI cho đúng trọng tâm, đúng yêu cầu dài hạn của nước nhà.

- Không nên cấp phép cho các dự án có công nghệ lạc hậu hoặc gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các doanh nghiệp FDI đối với quy trình xử lý chất thải; yêu cầu các doanh nghiệp FDI trước khi thành lập phải nêu các phương án, biện pháp khắc phục chất thải ra môi trường bên ngoài và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền đối với việc nhập khẩu các thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm tránh việc phải nhập khẩu các thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu, để tránh trở thành "bãi thải công nghiệp" gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống và sản xuất.

- Xây dựng các quy định về quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công nhân làm việc trong các doanh nghiệp FDI. Có chế tài cụ thể ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động, đặc biệt là phải phát huy tối đa vai trò của công đoàn

- Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thẩm định dự án FDI, đào tạo một cách cơ bản và có hệ thống về trình độ chuyên môn, có kiến thức, có kinh nghiệm thực tế và đủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp về thẩm định giá.

- Khắc phục tình trạng báo cáo lỗ (đang xét về mặt lỗ giá) không đúng với thực chất hoạt động trong các doanh nghiệp FDI bằng cách xây dựng khung pháp lý cho các cơ quan thuế có thẩm quyền xử lý các thông tin liên quan đến các công tư liên kết với các doanh nghiệp FDI; xây dựng và áp dụng các biện pháp chống chuyển giá có hiệu quả

- Cải thiện khâu thực thi pháp luật: tăng cường năng lực bộ máy thực thi của các địa phương. Cải cách thủ tục và bộ máy hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan với việc thực thi không đúng quy định của pháp luật. Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực thi pháp luật của các cơ quan quản lý địa phương để có biện pháp nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời.

Việc thu hút FDI vào Việt Nam đang ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên điều gì cũng có hai mặt, vốn FDI mang đến cho chúng ta những lợi ích thiết thực, thì cũng có những mặt trái tồn tại. Với những mặt bất lợi của FDI, nếu có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ và có các biện pháp phù hợp, Việt Nam có thể hạn chế, giảm thiểu những tác động tiêu cực này và xử lý hài hòa mối quan hệ của nhà đầu tư nước ngoài với lợi ích quốc gia để tạo nên lợi ích tổng thể tích cực.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2015), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Thực trạng, hiệu quả và hướng điều chỉnh chính sách*, NXB Lao động, Hà Nội
2. Nguyễn Quỳnh Thơ (2017), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Ngân hàng
3. Đinh Đức Trường (2015), *Quản lý môi trường tại các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 31, Số 5, trang 46 – 55